

Bản án số: 04/2017/DS-ST

Ngày: 11 – 4 – 2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2016/TLST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai Ngọc N (có mặt); địa chỉ cư trú: Ấp T, xã X, huyện A, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H (có mặt), bà Mai Thị G (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N, huyện A, tỉnh H.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Trường T (có mặt); địa chỉ cư trú: Ấp N, xã N, huyện A, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Mai Ngọc N trình bày:

Vào năm 2009, ông có cho vợ chồng ông H, bà G mượn 47,5 chỉ vàng 24k (loại 98%), đợt một cho mượn 16,5 chỉ vàng có làm giấy tay nhưng đã thất lạc, đợt 2 cho mượn 31 chỉ vàng, cho mượn vàng lần hai thì không có làm giấy tờ do lúc đó ông về sống cùng nhà với ông H, bà G vì nghĩ là anh em lại sống nhờ gia đình anh chị nên không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất. Ông H, bà G có

thỏa thuận khi nào ông lấy vợ sẽ trả lại vàng cho ông và lo đám cưới cho ông, khi giao nhận vàng chỉ có ông và ông H, bà G không có ai chứng kiến, các lần giao vàng đều có mặt ông H, bà G. Mục đích mượn vàng là để ông H, bà G sang đất ở xã Hòa Mỹ, huyện H. Từ ngày ông lấy vợ 21/01/2016 đến nay ông H, bà G vẫn không trả vàng cho ông như thỏa thuận. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà G trả vàng cho ông nhưng vẫn không trả, nên ông khởi kiện yêu cầu ông H, bà G trả cho ông số vàng 47,5 chỉ vàng 24k loại 98%, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H, bà G đã trả được cho ông 05 chỉ vàng, còn nợ lại 42,5 chỉ vàng 24k loại 98%. Nay ông yêu cầu ông H, bà G phải trả cho ông số vàng còn nợ lại là 42,5 chỉ vàng 24 loại 98%, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông thừa nhận vào khoảng năm 2009, vợ chồng ông có hỏi mượn vàng của ông N nhưng chỉ mượn 16,5 chỉ vàng 24k loại 98%, khi mượn có làm giấy tờ do ông N giữ. Số vàng này vợ chồng ông mượn của ông N vì sợ ông N còn nhỏ sẽ tiêu xài hết nên mượn để quản lý dùm cho ông N và cũng để chi tiêu trong cuộc sống gia đình, ông có hứa khi nào ông N lấy vợ sẽ trả vàng và lo đám cưới cho N nhưng do khó khăn nên ông chưa trả được, ông chỉ đồng ý trả cho ông N 16,5 chỉ vàng 24k loại 98%. Đối với số vàng 31 chỉ 24k loại 98% ông không có mượn nên không đồng ý trả theo yêu cầu của ông N. Việc ông thừa nhận có nợ ông N 47,5 chỉ vàng 24k và ký tên vào biên bản hòa giải tại ấp Mỹ Phú A, xã Hòa Mỹ, huyện H ngày 08/4/2016 là do bà G vợ ông ép ông ký tên thì bà G mới đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng đất. Nay ông chỉ đồng ý trả cho ông N 16,5 chỉ vàng 24k loại 98%.

Bị đơn bà Mai Thị G trình bày: Bà thống nhất với nội dung ông N trình bày, bà thừa nhận vợ chồng bà có mượn vàng của ông N hai lần, lần một mượn 16,5 chỉ vàng 24k loại 98%, có làm biên nhận hiện đã thất lạc, lần 2 mượn 31 chỉ vàng 24k loại 98%, không có làm biên nhận do thời gian này ông N về sống chung nhà với vợ chồng bà, nghĩ là chị em nên không làm giấy tờ, thời gian mượn cụ thể thì không nhớ rõ, tổng số vàng mượn là 47,5 chỉ vàng 24k (loại 98%), mục đích mượn vàng là để sang đất ở xã Hòa Mỹ, huyện H, khi mượn có hứa khi nào ông N lấy vợ sẽ trả vàng và lo đám cưới cho N. Nhưng do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà mới trả được 05 chỉ vàng, hiện chỉ còn nợ lại ông N 42,5 chỉ vàng. Tại buổi hòa giải ngày 08/4/2016 tại ấp Mỹ Phú A, xã Hòa Mỹ, huyện H thì ông H tự thừa nhận và đồng ý trả cho ông N 47,5 chỉ vàng, bà không ép ông H ký tên vào biên bản hòa giải. Nay bà đồng ý trả số vàng còn nợ lại ông N là 42,5 chỉ vàng 24k loại 98%.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; các đương sự chấp hành tốt nghĩa vụ của đương sự về cung cấp chứng cứ và các nghĩa vụ khác của người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa nhận thấy tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2016 tại ấp Mỹ Phú A, xã Hòa Mỹ, huyện H thì ông H thừa nhận và đồng ý trả 47,5 chỉ vàng 24k loại 98% cho ông Mai Ngọc N, người làm chứng ông Nguyễn Trường T cũng xác định tại buổi hòa giải này cha ông là ông H có thừa nhận nợ ông N 47,5 chỉ vàng, từ đó đủ cơ sở xác định bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị G có mượn 47,5 chỉ vàng 24k loại 98% của ông N nên ông N khởi

kiện là có cơ sở chấp nhận, tại phiên tòa ông N thừa nhận bị đơn đã trả được 05 chỉ vàng 24k loại 98% nên chỉ yêu cầu bị đơn ông H, bà G trả số vàng còn nợ lại là 42,5 chỉ vàng 24k loại 98%, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Ngọc N, về lãi suất ông N không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Mai Ngọc N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị G trả 47,5 chỉ vàng 24k loại 98%, mượn từ năm 2009 đến nay không trả, xét đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự: Ông H, bà G thừa nhận vào năm 2009, ông bà có xác lập giao dịch vay vàng của ông Mai Ngọc N, không thỏa thuận lãi suất, chỉ thỏa thuận khi nào ông N lấy vợ sẽ trả vàng cho ông N. Tuy nhiên, từ tháng 01/2016 ông N lấy vợ đến nay phía bị đơn ông H, bà G vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông N khởi kiện yêu cầu ông H, bà G trả vàng là có cơ sở.

[3] Xét số lượng vàng cho vay: Nguyên đơn ông N cho rằng ông cho ông H, bà G vay vàng hai lần, lần một ông N cho vay 16,5 chỉ vàng 24k loại 98% có lập văn bản nhưng đã thất lạc, lần hai cho vay 31 chỉ vàng 24k loại 98%, chỉ giao dịch bằng miệng, hai bên thỏa thuận khi nào ông N lấy vợ sẽ trả vàng lại cho ông N, không thỏa thuận lãi suất, ông H và bà G đã trả được 05 chỉ vàng còn nợ lại 42,5 chỉ vàng. Phía bị đơn bà G thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn ông N là đúng và đồng ý trả 42,5 chỉ vàng 24k loại 98% còn thiếu. Riêng bị đơn ông H trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H có lúc thừa nhận chỉ mượn vàng của ông N khoảng 20 đến 30 chỉ vàng, lúc khác lại thừa nhận chỉ mượn 30 chỉ vàng đã trả 05 chỉ vàng và đồng ý trả 25 chỉ vàng còn nợ lại, tại phiên đối chất và tại phiên tòa thì chỉ thừa nhận có vay 16,5 chỉ vàng. Cho thấy lời khai của ông H trước sau là không thống nhất.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2016 tại ấp Mỹ Phú A, xã Hòa Mỹ, huyện H, tỉnh H có đoạn ghi "...tôi sẽ trả đủ số vàng thiếu cho ông Mai Ngọc N là 47,5 chỉ vàng 24K <bốn mươi bảy chỉ vàng 24K>". Tại biên bản này, ông H thừa nhận và đồng ý trả đủ số vàng 47,5 chỉ vàng 24K cho ông N. Tuy nhiên ông H không thừa nhận mà cho rằng ông bị ép buộc.

[5] Qua xác minh tại ấp Mỹ Phú A, xã Hòa Mỹ, huyện H, tỉnh H vào ngày 27/02/2017, ông Phùng Văn R - Trưởng ấp Mỹ Phú A và ông Võ Văn P – Trưởng ban công tác mặt trận ấp cũng là người chủ trì buổi hòa giải xác định nội dung trình bày của ông H trong biên bản hòa giải ngày 08/4/2016 tại ấp Mỹ Phú A là do ông H tự trình bày, tại buổi hòa giải này ông H tự thừa nhận có nợ của ông Mai Ngọc N 47,5 chỉ vàng 24K loại 98%, và đồng ý trả 47,5 chỉ vàng cho ông N, việc ký tên vào biên bản hòa giải là do ông H tự nguyện không ai ép buộc, thời điểm này ông H hoàn toàn minh mẫn, làm chủ được hành vi. Mặt khác, người làm chứng ông

Nguyễn Trường T là con bị đơn ông H, bà G cũng xác định tại buổi hòa giải này cha ông là ông H có thừa nhận và hứa sẽ trả cho ông N 47,5 chỉ vàng 24k loại 98%.

Từ đó, đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị G có vay của ông Mai Ngọc N tổng số vàng là 47,5 chỉ vàng 24k loại 98% là sự thật. Ông Mai Ngọc N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị G trả 47,5 chỉ vàng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông H, bà G đã trả cho ông N được 05 chỉ vàng 24k loại 98%. Nên ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông H, bà G trả 42,5 chỉ vàng 24k loại 98% còn nợ lại, xét việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 Bộ luật dân sự 2005, Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị G phải trả cho ông Mai Ngọc N 42,5 chỉ vàng 24k loại 98%.

[8] Về yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn ông Mai Ngọc N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn H, bà Mai Thị G phải chịu án phí theo quy định, cụ thể: $(3.489.000 \text{ đồng/chỉ} \times 42,5 \text{ chỉ vàng 24k}) \times 5\%$ mức án phí dân sự có giá ngạch = 7.414.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Ngọc N.
2. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị G có nghĩa vụ trả cho ông Mai Ngọc N 42,5 chỉ vàng 24k loại 98%.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - 3.1. Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị G phải chịu 7.414.000đồng.
 - 3.2 Ông Mai Ngọc N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0010726 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh H.
4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11/4/2017.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.A;
- VKSND h.A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hương